

Số: /TB-UBND

Phước Bình, ngày tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO
Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2025

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-BDD.HĐQT ngày 23/10/2025 của Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh kế hoạch tín dụng năm 2025;

Căn cứ tổng hợp nhu cầu vốn tín dụng chính sách tại các khu phố;

Theo đề xuất của Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH Phước Long tại Tờ trình số 215/TTr-NHCS ngày 12/11/2025.

Ủy ban nhân dân phường Phước Bình thông báo điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2025 của các khu phố (chi tiết theo danh mục kèm theo).

Đề nghị Trưởng các khu phố căn cứ Thông báo này để chỉ đạo các Tổ Tiết kiệm và vay vốn trên địa bàn tổ chức bình xét cho vay và lập hồ sơ vay vốn theo đúng quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Việc bình xét cho vay phải đảm bảo công khai, dân chủ, đúng đối tượng, có sự tham gia giám sát của Trưởng khu phố và đại diện lãnh đạo tổ chức chính trị – xã hội nhận ủy thác.

Ủy ban nhân dân phường đề nghị Trưởng các khu phố nghiêm túc triển khai thực hiện Thông báo này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT.UBND;
- Hội: CCB, Nông Dân, Phụ nữ; Đoàn TN;
- Trưởng các khu phố
- LĐVP, CVK (L)
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dũng

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /11/2025 của UBND phường Phước Bình)

Stt	Khu phố	Cho vay Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn			Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân; xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở		
		Chỉ tiêu đã giao	Giao tăng/giảm	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2025	Chỉ tiêu đã giao	Giao tăng/giảm	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2025
1	Khu phố 1	2.545	182	2.727			
2	Khu phố 2	632	188	820			
3	KP Phước Hiệp	1.328	-9	1.319			
4	KP Phước Trung	819	-23	796			
5	KP Phước Vĩnh	1.724	611	2.335			
6	KP Phước An	1.640	434	2.074			
7	KP Phước Sơn	1.196	431	1.627			
8	KP Phú Châu	821	192	1.013			
9	KP Bình Minh	40	0	40			
10	KP Bình Điền	485	119	604			
11	KP Sơn Hà 1	240	152	392			
12	KP Sơn Hà 2	600	415	1.015			
13	Khu phố 10	673	209	882	314	-18	296
14	KP Long Phước	737	75	812			
15	Khu phố 3	1.763	495	2.258			
16	Khu phố 4	395	-27	368			
17	Khu phố 5	1.182	390	1.572	3.204	-1.091	2.113
18	Khu phố 6	486	61	547			
19	Khu phố 7	810	-7	803			
20	Khu phố 8	1.403	120	1.523			
21	Khu phố 9	592	-14	578			
22	KP Long Điền 1	1.900	566	2.466			
23	KP Long Điền 2	900	68	968			
24	KP Nhơn Hòa 1	660	318	978	500	-500	
25	KP Nhơn Hòa 2	205	0	205	128		128
26	KP Bù Xiết	292	84	376	500	-500	
27	KP An Lương	1.258	-78	1.180			
28	KP Long Giang	0	48	48	225		225
Tổng cộng		25.326	5.000	30.326	4.871	-2.109	2.762